

DANH SÁCH - BẢNG ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN NGÀY 26/07/2025
PHÒNG THI B101 - GIỜ THI: 18H00

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
1	Trần Thị Kim	Ái	22/12/2005	Bình Định	23211LG1652	CD23LG1	33	29	145	85	230	B101
2	Đinh Hoàng	An	08/03/1999	Kiên Giang	20211LH4088	CD20LH2	36	66	165	310	475	B101
3	Nguyễn Hữu Phước	An	25/11/2005	TP. HCM	23211KD2888	CD23KD1	31	33	135	110	245	B101
4	Nguyễn Hoài	An	07/09/2005	Đồng Nai	23211QT0567	CD23QT1	42	25	195	60	255	B101
5	Đặng Huỳnh Nhật	Anh	27/04/2004	Bình Định	22211OT1773	CD22OT18	44	49	210	210	420	B101
6	Trần Tĩnh Việt	Anh	30/08/2002	Đồng Nai	20211OT1505	CD20OT3	36	33	165	110	275	B101
7	Lê Thị Quế	Anh	19/10/2002	Tây Ninh	21211LH2742	CD21LH1	32	36	140	125	265	B101
8	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/04/2003	Quảng Bình	21211TT4375	CD21TT8	30	33	130	110	240	B101
9	Nguyễn Đặng Quốc	Anh	27/01/2000	Đồng Nai	20211QT0831	CD20QT1	31	42	135	165	300	B101
10	Đào Đại Tấn	Anh	18/01/2004	Ninh Thuận	22211DC2888	CD22DC2	48	86	240	425	665	B101
11	Phạm Thị Minh	Anh	11/04/2004	Nam Định	22211KT1013	CD22KT1	53	35	270	120	390	B101
12	Bùi Nguyễn Duy	Anh	31/05/2004	TP. HCM	22211OT4326	CD22OT21	51	81	255	400	655	B101
13	Trần Ngọc Linh	Anh	12/08/2005	TP. HCM	23211LG0852	CD23LG2	66	29	350	85	435	B101
14	Phạm Thị Lan	Anh	23/10/2003	Ninh Thuận	22211NH4555	CD22NH2	59	28	310	80	390	B101
15	Đỗ Minh Tuấn	Anh	25/02/2004	TP. HCM	23211CK3618	CD23CK4	55	32	280	100	380	B101
16	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	19/11/2005	Quảng Nam	23211MK4293	CD23MK4	42	24	195	50	245	B101
17	Mai Nguyệt	Ánh	22/05/2005	TP. HCM	23211LG1254	CD23LG2	41	33	190	110	300	B101
18	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/08/2004	Lâm Đồng	23211LG2592	CD23LG2	44	31	210	95	305	B101
19	Mã Lâm	Bál	30/03/2005	Cà Mau	23211QT1229	CD23QT1	46	31	220	95	315	B101
20	Mai Thế	Băng	24/10/2004	Bình Thuận	22211LG2380	CD22LG3	34	34	150	115	265	B101

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
21	Hoàng Văn	Bằng	08/02/2004	Đồng Nai	22211OT0948	CD22OT19	45	25	215	60	275	B101
22	Phạm Thụy Ngọc	Bích	23/09/2004	Đồng Nai	23211KT1936	CD23KT4	51	42	255	165	420	B101
23	Nguyễn Mai	Chi	10/05/2005	Thanh Hóa	23211KT4493	CD23KT4	48	35	240	120	360	B101
24	Tạ Thị Bích	Chi	07/05/2003	Cần Thơ	22211DH3072	CD22DH3	34	28	150	80	230	B101
25	Nguyễn Hữu Minh	Chiến	24/04/2001	TP. HCM	20211CD1906	CD20CD1	28	35	120	120	240	B101
26	Trần Quyết	Chiến	24/09/2003	Đắk Lắk	21211DH2155	CD21DH4	56	23	290	45	335	B101
27	Trương Anh Thành	Công	01/05/2004	Bình Định	22211TT0909	CD22TT5	66	30	350	90	440	B101
28	Dương Quốc	Công	14/10/2004	Phú Yên	22211OT1748	CD22OT12	61	27	320	70	390	B101
29	Bạch Thị Kim	Cúc	25/02/2003	Bình Định	21211DH1300	CD21DH1	60	37	315	130	445	B101
30	Phạm Hải	Đăng	28/04/2003	TP. HCM	22211QT2475	CD22QT2	50	26	250	65	315	B101
31	Đặng	Danh	18/10/2003	Quảng Ngãi	21211CD1702	CD21CD1	25	21	100	35	135	B101
32	Đỗ Thành	Danh	09/04/2003	An Giang	22211OT3471	CD22OT18	62	20	325	30	355	B101
33	Cao Hoàng	Đạt	02/11/2003	Đắk Lắk	22211DN1445	CD22DN1	VẮNG					B101
34	Lê Thành	Đạt	22/05/2005	Phú Yên	24211LD0541	CD24LD1	45	18	215	20	235	B101
35	Trần Tiến	Đạt	11/12/2004	Bình Thuận	22211OT0892	CD22OT2	43	36	200	125	325	B101
36	Nguyễn Tấn	Đạt	21/11/2001	Bình Định	22211DC4505	CD22DC3	56	39	290	145	435	B101
37	Nguyễn Gia	Đạt	04/08/2002	Phú Yên	21211OT3496	CD21OT14	60	23	315	45	360	B101
38	Võ Thành	Đạt	23/02/2002	Bình Thuận	21211OT0127	CD21OT1	56	38	290	140	430	B101
39	Hà Ngọc	Diễm	17/10/2002	Bình Định	20211LG3010	CD20LG2	50	35	250	120	370	B101
40	Nguyễn Văn	Diễn	29/01/2006	Bình Định	24211LG0986	CD24LG4	45	28	215	80	295	B101
41	Đỗ Thị Ngọc	Diệp	01/12/2003	Bình Thuận	22211KD4881	CD22KD1	58	30	300	90	390	B101
42	Đàm Tuấn	Diệp	05/02/2002	Đắk Lắk	23211LG4787	CD23LG2	61	44	320	175	495	B101
43	Trần Thị Mỹ	Diệu	09/03/2005	Quảng Ngãi	23211LG2988	CD23LG2	65	26	345	65	410	B101

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
44	Phan Thị	Diệu	13/05/2005	Quảng Ngãi	23211LG2916	CD23LG2	66	22	350	40	390	B101
45	Nguyễn Trường	Dinh	18/08/2004	Phú Yên	22211OT0715	CD22OT18	60	62	315	285	600	B101
46	Hồ Thanh	Định	03/12/2004	Bình Định	23211LG4076	CD23LG2	55	39	280	145	425	B101
47	Trần Hữu	Đoàn	08/04/2003	Bình Định	21211TT3655	CD21TT8	28	31	120	95	215	B101
48	Trương Khiết	Doanh	27/02/2001	TP. HCM	23222KT0005	CDLT23KT1	60	35	315	120	435	B101
49	Nguyễn Văn	Đức	10/08/2003	Đồng Nai	21211TT3802	CD21TT7	44	38	210	140	350	B101
50	Trần Thị Kim	Dung	03/12/2005	Thừa Thiên Huế	23211KS2359	CD23KS1	39	25	180	60	240	B101